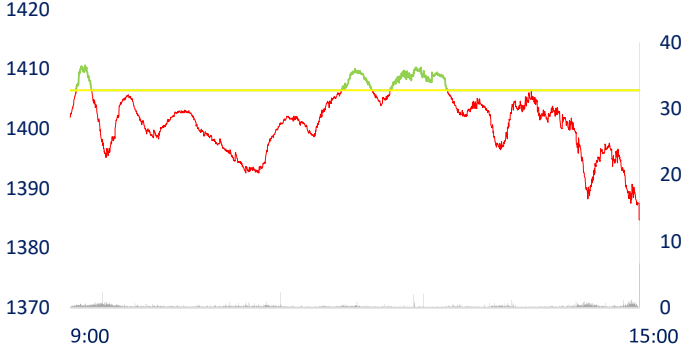
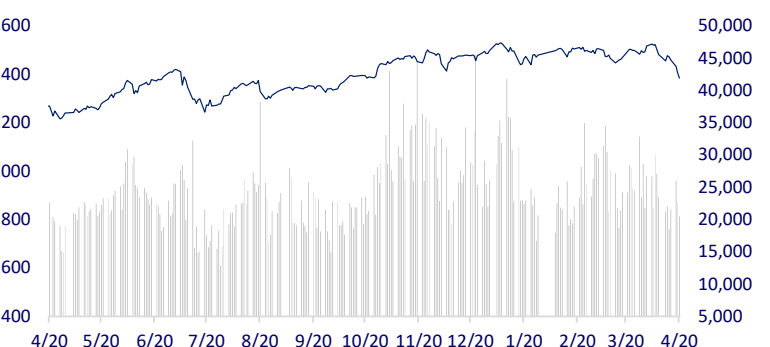
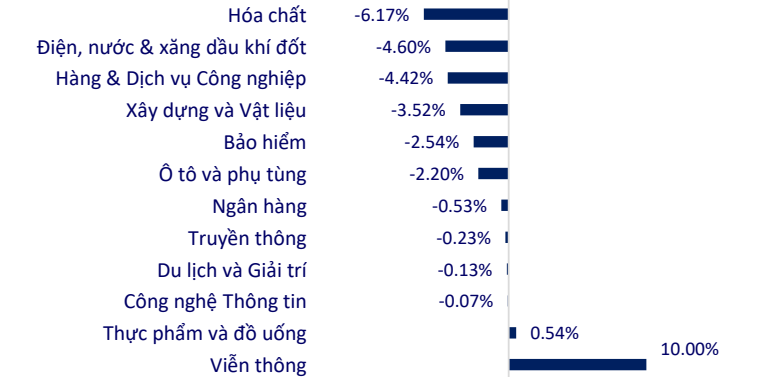


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,384.72	-1.55%	-7.58%
VN30	1,435.50	-0.35%	-6.53%
HNX	380.04	-3.22%	-19.82%
UPCOM	106.40	-1.77%	-5.57%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	461.27		
Tổng GTGD (tỷ)	24,218.45	-8.39%	-22.06%

Khối ngoại mua ròng 461 tỷ đồng trong phiên 20/4. DGC vẫn bị khối ngoại sàn HoSE bán ròng mạnh nhất với 117 tỷ đồng. VHM và CII đứng sau với giá trị bán ròng lần lượt 62 tỷ đồng và 42 tỷ đồng. Chiều ngược lại, GEX được mua ròng mạnh nhất với 76 tỷ đồng. DPM và STB được mua ròng lần lượt 75,7 tỷ đồng và 65 tỷ đồng.

INTRADAY VNINDEX 20/4/2022

VNINDEX (1Y)

ETF & PHÁI SINH

		1D	YTD
E1VFN30	24,800	-0.60%	-3.99%
FUEMAV30	16,910	-0.53%	-6.52%
FUESSV30	17,900	0.51%	-5.79%
FUESSV50	20,900	-2.34%	-8.73%
FUESSVFL	20,350	-0.73%	-9.48%
FUEFVND	30,000	0.67%	6.95%
FUEVN100	18,980	-0.11%	-11.64%
VN30F2209	1,440.00	-1.02%	
VN30F2206	1,441.10	-1.29%	
VN30F2205	1,439.00	-1.29%	
VN30F2204	1,440.00	-0.97%	

THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

		1D	YTD
Nikkei	27,217.85	0.44%	-5.47%
Shanghai	3,151.05	-1.35%	-13.43%
Kospi	2,718.69	-0.01%	-8.70%
Hang Seng	20,944.67	-0.18%	-10.48%
STI (Singapore)	3,335.32	0.85%	6.78%
SET (Thái Lan)	1,680.35	0.28%	1.37%
Dầu thô (\$/thùng)	103.03	0.65%	34.68%
Vàng (\$/ounce)	1,955.45	0.49%	7.40%

Chứng khoán châu Á trái chiều khi Trung Quốc giữ nguyên lãi suất cơ bản. Chỉ số Nikkei 225 tăng 0,44%. Thị trường chứng khoán Trung Quốc đều giảm điểm. Chỉ số Shanghai composite giảm 1,35% xuống còn 3.151,05 điểm. Chỉ số Shenzhen component giảm 2,072% còn 11.392,23 điểm. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 0,01%

KINH TẾ VĨ MÔ

		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	2.11%	0	130
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60%	0	0
TPCP - 5 năm	2.36%	-8	135
TPCP - 10 năm	2.97%	-1	97
USD/VND	23,185	0.39%	1.07%
EUR/VND	25,378	-0.44%	-4.12%
CNY/VND	3,652	-0.05%	-0.16%

Ngân hàng Nhà nước mới đây đã công bố số liệu về tổng phương tiện thanh toán, tiền gửi của khách hàng tại hệ thống tổ chức tín dụng đến cuối tháng 2/2022. Cụ thể, tổng phương tiện thanh toán cuối tháng 2 đạt hơn 13,6 triệu tỷ đồng, tăng 1,81% so với cuối năm 2021. Tiền gửi của khách hàng đạt hơn 1,1 triệu tỷ đồng, tăng 1,38% so với đầu năm. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ nhóm khách hàng dân cư.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
TOT	4/20/2022	4/21/2022	5/10/2022	Tiền mặt		700
DTC	4/20/2022	4/21/2022	5/12/2022	Tiền mặt		300
BTU	4/20/2022	4/21/2022	5/4/2022	Tiền mặt		600
PDR	4/20/2022	4/21/2022		Cổ phiếu	1000:363	
TMT	4/21/2022	4/22/2022	5/5/2022	Tiền mặt		5,000
APL	4/22/2022	4/25/2022	5/9/2022	Tiền mặt		1,200
TB8	4/22/2022	4/25/2022	5/10/2022	Tiền mặt		1,000
STK	4/22/2022	4/25/2022	5/23/2022	Tiền mặt		1,500
PRC	4/25/2022	4/26/2022	5/18/2022	Tiền mặt		1,000

TIN TỨC CHỌN LỌC

Tiền nhàn rỗi của người dân ò ạt trở lại hệ thống ngân hàng, tăng trưởng tiền gửi 2 tháng đầu năm 2022 còn lớn hơn cả năm 2021

Việt Nam có cơ hội lớn phát triển kinh tế số

Xuất khẩu cá tra thăng hoa trong Quý 1, thị trường Trung Quốc, Mỹ tăng trưởng ba con số

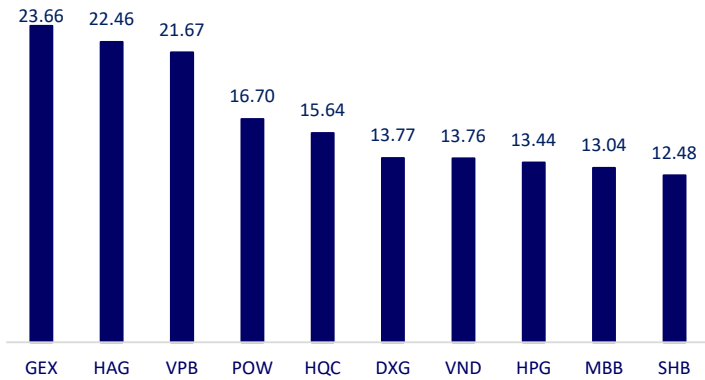
Các nước đồng loạt thắt chặt chính sách tiền tệ

IMF, WB nâng báo động nợ ở các quốc gia

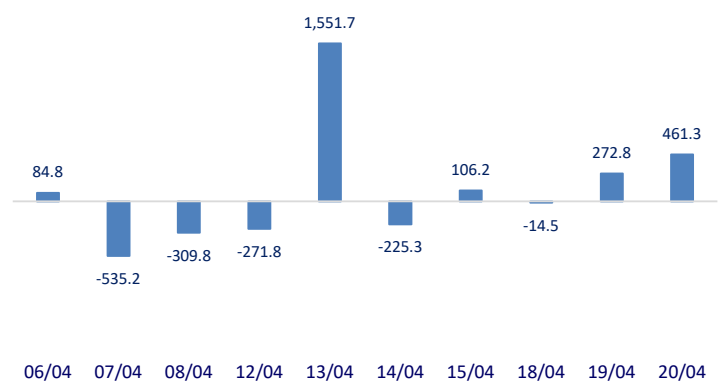
Trung Quốc công bố 23 biện pháp cứu nền kinh tế đang lao đao vì Covid

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	78,400	0.90%	-4.85%	1,641,200	1,503,900	VPB: VPBank mới đây đã công bố biểu lãi suất huy động dành cho khách hàng cá nhân, áp dụng từ ngày 15/4/2022. Lần điều chỉnh này, VPBank đã tăng mạnh lãi suất ở hàng loạt kỳ hạn. Theo đó, lãi suất cao nhất tại nhà băng này hiện nay là 6,9%/năm, áp dụng cho khách hàng gửi tiết kiệm online từ 50 tỷ trở lên với kỳ hạn 36 tháng, tăng 0,2 điểm % so với trước
BID	37,950	0.00%	-7.21%	2,448,000	2,800,600	
CTG	28,700	-0.17%	-8.89%	7,271,900	6,842,000	
TCB	43,050	-1.49%	-10.31%	11,986,100	12,833,500	
VPB	35,200	-1.68%	-9.74%	31,956,500	33,265,100	
MBB	29,500	0.68%	-9.51%	22,751,800	19,337,400	
HDB	25,750	-0.58%	-8.04%	4,653,200	5,485,500	
TPB	35,500	-1.93%	-11.25%	5,119,700	6,563,400	
STB	27,550	0.18%	-12.12%	21,126,700	18,020,100	
ACB	31,900	0.79%	-5.20%	6,729,700	7,309,900	
NVL	81,400	-0.73%	-5.90%	4,153,500	5,052,600	PDR: Năm 2022, PDR đặt mục tiêu doanh thu đạt 10.700 tỷ đồng và LNST đạt 2.908 tỷ đồng. Kết thúc quý 1 PDR mới hoàn thành được 5,8% mục tiêu về doanh thu và 9,6% mục tiêu về lợi nhuận.
KDH	49,900	-0.40%	-1.38%	1,703,700	2,146,000	
PDR	63,500	0.87%	-4.89%	3,351,900	3,525,000	POW: Nhà máy Vũng Áng 1 chỉ đủ than dự trữ trong 5 ngày, giá than nhập khẩu cao gấp 3-4 lần giá của TKV
GAS	106,600	-6.41%	-3.18%	1,884,200	2,342,300	
POW	13,050	-3.33%	-16.88%	34,598,600	34,993,900	
PLX	51,300	0.59%	-6.22%	3,457,100	3,077,700	VRE: Trong năm 2022, Vincom Retail dự kiến khai trương Vincom Mega Mall Smart City (Hà Nội) và 2 Vincom Plaza.
VIC	79,300	0.63%	-3.53%	2,386,000	3,477,600	
VHM	66,800	-3.05%	-8.62%	7,556,400	9,000,100	
VRE	30,650	-0.65%	-3.77%	5,050,100	6,021,100	MSN: Winmart/Winmart+ hoàn tất chuyển đổi thương hiệu trong tháng 4/2022, cùng với đó, hàng trăm siêu thị và cửa hàng cũng được mở mới.
VNM	75,600	-0.53%	-2.07%	3,036,100	3,586,800	
MSN	124,300	3.15%	-2.05%	1,510,000	2,186,500	
SAB	172,000	1.84%	5.20%	512,900	557,900	SSI: công bố BCTC quý I với doanh thu hợp nhất đạt 2.068,4 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 883,4 tỷ đồng, tăng lần lượt 36,2% và 66,6% so với cùng kỳ năm 2021. Các mảng kinh doanh đều tăng trưởng và có đóng góp vào doanh thu chung, trong đó dịch vụ chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và hoạt động đầu tư tiếp tục là các lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu.
BVH	142,000	-0.77%	2.82%	1,005,400	1,229,500	
VJC	142,000	-0.77%	2.82%	1,005,400	1,229,500	
FPT	112,000	0.00%	-2.69%	5,556,400	5,288,100	
MWG	156,000	0.00%	-0.13%	4,071,900	3,203,500	
PNJ	118,900	0.00%	2.50%	1,756,500	1,934,000	
GVR	32,550	-7.00%	-5.65%	3,845,800	6,062,100	
SSI	35,200	0.57%	-17.27%	18,201,100	18,246,100	
HPG	43,200	-0.23%	-4.42%	22,023,900	23,050,100	

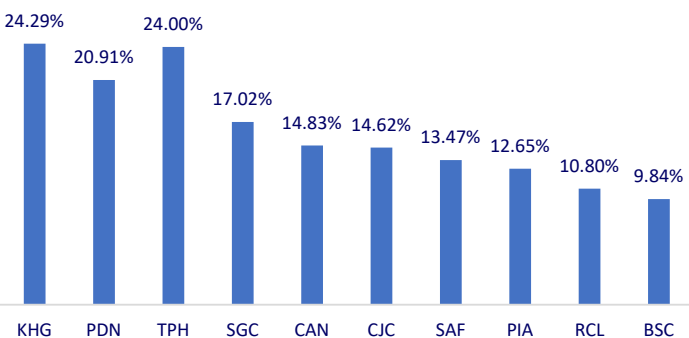
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

